

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2022/DS-ST

Ngày: 25-02-2022

*V/v “Yêu cầu bồi thường
thiệt hại về tài sản”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Hiến và Bà Lê Thị Minh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Vi Thế Nam – Cán bộ Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tuấn Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 25/02/2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 96/2021/TLST-DS, ngày 29 tháng 6 năm 2021, về việc “Kiện tranh chấp về yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2021/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2022/QĐST-DS, ngày 28/12/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị T, sinh năm 1984 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông

2. *Bị đơn:* Ông Trương Văn V, sinh năm 1977 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1979 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông

3.2. Ông Trương Văn B, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông

3.3. Ủy ban nhân dân xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Thanh H - Chủ tịch UBND xã Q.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Thanh H: Ông Hoàng Trọng V, chức vụ: Kiểm lâm viên- Hạt kiểm Lâm (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Trạm K, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

(theo văn bản ủy quyền ngày 03/11/2020)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/6/2021, quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Ngày 14/5/2020 bà T đi thăm thửa đất rẫy có diện tích khoảng 04 ha, trên đất trồng cây Keo năm 2016, tại Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông thì phát hiện diện tích Keo của bà trồng bị cháy khoảng 37,547% trên toàn bộ diện tích 3,033 ha, khi bà T đi kiểm tra thì thấy có vết cháy đen theo phần giáp ranh giữa gia đình ông Trương Văn V, bà Nguyễn Thị Hồng D. Quá trình giải quyết tại Công an huyện Krông Nô thì ông V thừa nhận việc đốt rẫy lan sang làm cháy cây Keo của gia đình bà T làm thiệt hại có giá trị 71.290.175 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị T yêu cầu ông Trương Văn V, bà Nguyễn Thị Hồng D phải bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền là 35.000.000 đồng. Bà Phạm Thị T rút một phần khởi kiện đối với số tiền 36.290.175 đồng không yêu cầu ông Trương Văn V, bà Nguyễn Thị Hồng D bồi thường cho bà T.

Đối với bị đơn trong vụ án ông Trương Văn V vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai và biên bản hòa giải ông V trình bày:

Vợ chồng ông, bà có thửa đất rẫy có diện tích khoảng 02 héc, địa chỉ thửa đất thôn P, xã Q, huyện K (đất chưa có giấy CNQSD đất) thửa đất liền kề với thửa đất ông D (còn gọi là ông Trương Văn B), bà T, có vị trí hai cạnh giáp Suối, một cạnh giáp Ma X. Vào khoảng tháng 5 năm 2020, Ông V, bà D có đốt cỏ ở rẫy thì vô tình để cháy lan sang khu rẫy trồng keo của gia đình ông D, bà T. Khi ông V, bà D biết việc rẫy của anh D bị cháy là vào buổi sáng giữa tháng 5/2020 sau khi vợ chồng ông V, bà D đốt rẫy của gia đình xong, đến trưa khoảng 11 giờ thì vợ chồng ông V, bà D về, cho đến 3 ngày sau bà D thăm rẫy để dọn lại chuẩn bị trồng cà phê thì mới phát hiện rẫy nhà ông B (còn gọi ông D), bà T bị cháy. Bà D đã gọi điện thoại cho ông V đến kiểm tra thì thấy vết cháy từ rẫy của gia đình ông V, bà D xuống khe suối cháy lan sang rẫy trồng cây keo của gia đình ông B, bà T. Ông V thừa nhận là việc đốt rẫy, nếu việc đốt cháy lan sang đất rẫy nhà ông D, bà T thì ông V xin chịu trách nhiệm và đền bù thiệt hại cho bà T. Ông V, bà D không đồng ý bồi thường số tiền 71.290.175 đồng nhưng đồng ý bồi thường số tiền 30.000.0000 đồng với lý do là thiệt hại không lớn nhưng bồi thường số tiền quá cao nên ông V, bà D không có tiền. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng D trình bày:*

Bà D thừa nhận việc trình bày của ông Trương Văn V chồng bà là đúng nhưng bà D cũng đồng ý bồi thường cho bà T số tiền 30.000.0000 đồng với lý do là thiệt hại không lớn nhưng bồi thường số tiền 71.290.175 đồng là quá cao nên ông V, bà D không có tiền. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Người đại diện của UBND xã Q ông Hoàng Trọng V trình bày:

Tài sản trên đất do bà Phạm Thị T (vợ ông Trương Văn B) sử dụng có diện tích 4,05 ha, lô số 9a, khoảnh 1, tiểu khu 1334, thuộc thôn P, xã Q, huyện Krông Nô. Về nguồn gốc thửa đất năm 2008 UBND huyện K giao tổng diện tích 1500.5 ha đất Lâm nghiệp cho cộng đồng thôn P, xã Q theo Quyết định số 1609/QĐ-UB, ngày 24/9/2008. Đến năm 2015 UBND huyện K thu hồi diện tích đất theo Quyết định số 249/QĐ-UBND, ngày 29/1/2015. Ngày 27/4/2020 hộ ông Trương Văn B có đơn đề nghị trồng rừng trên diện tích 4,05 ha, lô số 9a, khoảnh 1, tiểu khu 1334, về giống cây là do gia đình bà T tự bỏ vốn và được UBND xã Q xác nhận. Do đó, đất vẫn thuộc về quản lý của UBND xã Q, tuy nhiên tài sản trên đất là do vợ chồng ông Trương Văn B, bà Phạm Thị T trồng cây Keo quản lý sử dụng.

Về diện tích cây Keo bị cháy của ông B, bà T thì UBND xã Q có biết nhưng tài sản trên đất do ông B, bà T sử dụng nên Ủy ban nhân dân xã Q không có ý kiến gì và không yêu cầu độc lập. Nay bà Phạm Thị T yêu cầu ông Trương Văn V bồi thường số diện tích Keo bị cháy thì Ủy ban nhân dân xã Q không có ý kiến gì.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khâu thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Trương Văn V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng D, ông Trương Văn B chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn trong vụ án là bà Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản với bị đơn ông Trương Văn V. Ông V có địa chỉ tại thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Phạm Thị T, ông Trương Văn V, bà Nguyễn Thị Hồng D, ông Hoàng Trọng V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà T, ông V, bà D, ông V.

Quá trình giải quyết vụ án xét thấy người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Trương Văn B, sinh năm 1975 (chồng bà Phạm Thị T) là người đại diện hộ gia đình có giấy đề nghị trồng rừng (trồng Keo) trên diện tích 4,05 ha, lô số 9a, khoảnh 1, tiểu khu 1334 và được UBND xã Quảng Phú xác nhận (bl 84). Tuy nhiên ông B đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, mặc khác ông B không yêu cầu độc lập, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Qua xác minh tại Công an xã Quảng Phú, huyện Krông Nô cho biết hộ ông Trương Văn B có các thành viên gồm Trương Văn V, sinh ngày 08/10/2006 và Trương Thị Cẩm V, sinh ngày 19/4/2009 hiện chưa đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về nguồn gốc đất diện tích 4,05 ha, lô số 9a, khoảnh 1, tiểu khu 1334, thuộc thôn P, xã Q, huyện K, cụ thể là năm 2008 UBND huyện K giao tổng diện tích 1500.5 ha đất Lâm nghiệp cho cộng đồng thôn P, xã Q theo Quyết định số 1609/QĐ-UB, ngày 24/9/2008. Đến năm 2015 UBND huyện K thu hồi diện tích đất theo Quyết định số 249/QĐ-UBND, ngày 29/1/2015. Ngày 27/4/2020 hộ ông Trương Văn B (chồng bà Phạm Thị T) có đơn đề nghị trồng rừng (trồng Keo) trên diện tích 4,05 ha, lô số 9a, khoảnh 1, tiểu khu 1334, về cây giống là gia đình tự bỏ vốn và được UBND xã Q xác nhận (bl 84-89). Do đó, diện tích đất vẫn thuộc về quản lý của UBND xã Q, đối với tài sản trên đất là của ông B, bà T sử dụng. Tuy nhiên Ủy ban nhân dân xã Q, huyện K không yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ngày 27/4/2020 hộ ông Trương Văn B (chồng bà Phạm Thị T) có giấy đề nghị trồng rừng, về giống cây trồng là gia đình tự bỏ vốn trên diện tích 4,05 ha, lô số 9a, khoảnh 1, tiểu khu 1334, thuộc thôn P, xã Q, huyện K và được Ủy ban nhân dân xã Q xác nhận kèm sơ đồ vị trí đăng ký trồng rừng (bl 67-68). Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tài sản trên đất mà ông Trương Văn B, bà Phạm Thị T trồng rừng (cây Keo) trên diện tích 4,05 ha, lô số 9a, khoảnh 1, tiểu khu 1334 thuộc quyền quản lý và sử dụng của ông Trương Văn B, bà Phạm Thị T.

Đến khoảng tháng 5/2020 ông V, bà D đã đốt rẫy tại thửa đất liền kề đã làm cháy lan sang thửa đất trồng Keo của bà T với diện tích 3,033 ha và thiệt hại 71.290.175 đồng theo tài liệu chứng cứ là Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 27/5/2020 và ngày 16/10/2020 của Cơ quan CSĐT công an huyện Krông Nô (Bút lục 49-56); Tại bản kết luận định giá số 58/KL-HĐĐG, ngày 30/10/2020 của Hội đồng Định giá và Bán đấu giá tài sản huyện K (bl 26-29); Tại các Biên bản ghi lời khai của ông Trương Văn V tại Cơ quan CSĐT Công an Huyện Krông Nô, ông V khai là vào khoảng giữa tháng 5/2020 ông V, bà D có đốt rẫy, vô tình làm cháy lan sang rẫy trồng keo của gia đình ông Trương Văn B, bà Phạm Thị T (bút lục 30-37,44-45); Sơ đồ hiện trường vị trí cháy rừng trồng hộ gia đình bà Phạm Thị T (bl 56); Quá trình giải quyết vụ án, hành vi của Trương Văn V không cấu thành tội “Vô ý gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài sản” xảy ra vào tháng 5/2020 tại thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông, do đó cơ

quan CSĐT Công an huyện Krông Nô ban hành Quyết định đình chỉ điều tra vụ án hình sự số 816, ngày 01/11/2020 (bl 06) và Thông báo về việc đình chỉ điều tra vụ án hình sự (bl 07). Về phía ông Trương Văn V và bà Nguyễn Thị Hồng D thừa nhận đã đốt rẫy của mình đã làm cháy lan sang diện tích đất trồng keo của bà T.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trương Văn V bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 35.000.000 đồng do hành vi đốt rẫy Keo có diện tích 3,033 ha và thiệt hại 71.290.175 đồng. Quá trình giải quyết, bà T chỉ yêu cầu ông Trương Văn V và bà Nguyễn Thị Hồng D liên đới bồi thường số tiền 35.000.000 đồng.

Về phía bị đơn ông Trương Văn V thừa nhận đã đốt rẫy của mình làm cháy lan sang diện tích đất trồng keo của bà T. Ông V đồng ý bồi thường số tiền 30.000.000 đồng.

Đối với bà Nguyễn Thị Hồng D (vợ ông V) đã thừa nhận cùng với ông V đốt rẫy đã làm cháy lan sang tài sản trồng Keo của bà T, căn cứ Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử xét thấy buộc bà D liên đới cùng với ông V bồi thường thiệt hại tài sản cho bà T.

Từ những nhận định trên, việc bà T yêu cầu ông V, bà D bồi thường số tiền 35.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy, ông V, bà D liên đới bồi thường cho bà T số tiền 35.000.000 đồng là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3]. Ngày 27/7/2021, Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn bồi thường số tiền 36.290.175 đồng. Xét thấy việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Nguyên đơn về yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản đối với số tiền 36.290.175 đồng. Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

[4]. Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với nội dung vụ án là phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về án phí : Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên ông Trương Văn V và bà Nguyễn Thị Hồng D phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Nguyên đơn bà Phạm Thị T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 6 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 244; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T.

Buộc ông Trương Văn V và bà Nguyễn Thị Hồng D phải bồi thường cho bà Phạm Thị T số tiền 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Đình chỉ giải quyết xét xử đối với số tiền 36.290.175 đồng do Nguyên đơn rút yêu cầu, Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu này theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Trương Văn V, bà Nguyễn Thị Hồng D phải chịu 1.750.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Phạm Thị T số tiền 1.782.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004211, ngày 24/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

“ Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện Krông Nô (02bản);
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Võ Thị Nhi